TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **42**/2020/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Mỹ, ngày 14 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 90, 92, 93, 94 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 273/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020, về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:*

+ Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1984

+ Chị Hoàng Thị T2, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: ấp LH, xã XĐ, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh T1, chị T2 đều thừa nhận: anh chị tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện YT, tỉnh Nghệ An vào năm 2011 theo giấy chứng nhận kết hôn số 19/2011. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, đã sống ly thân cho đến nay khoảng 03 tháng. Nay tình cảm không còn nên anh chị yêu cầu Tòa án công nhận cho thuận tình ly hôn

[2] Về con chung: vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Văn P, sinh ngày 25/9/2012 và Nguyễn Thị Kim T3, sinh ngày 05/11/2015. Khi ly hôn thì thỏa thuận giao cháu Nguyễn Văn P cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Kim T3 cho chị T2 trực tiếp nuôi dưỡng; anh T1 và chị T2 không yêu cầu và cũng không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: các đương sự khai không có.

[4] Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: anh T1 và chị T2 phải chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T1 và chị Hoàng Thị T2.

- Về con chung:

+ Giao cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 25/9/2012 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

+ Giao cháu Nguyễn Thị Kim T3, sinh ngày 05/11/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Tạm thời chị T2, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị T2, anh T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị T2, anh T1 được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Nguyễn Văn T1 và chị Hoàng Thị T2 phải chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng lệ phí việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh T1, chị T2 đã nộp theo biên lai số 0001955 ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị T2 và anh T1 đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nôi nhaän:
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THA DS huyện CM;
- UBND xã TT (19/2011)
- Các đương sự;
- Löu HS.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thùy Trang